TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2025
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà:*
Ông Nguyễn Thuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

*/ ***Nguyên đơn*****:** Chị Trịnh Thị P**,** sinh năm 1998;
/ Bị đơn**:** Anh Cao Nhất N, sinh năm 1993;
***/ Người làm chứng**: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1954;
Đều có nơi ĐKHKTT: thôn TK, xã ĐB, huyện UH, thành phố Hà Nội.
(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Trịnh Thị P là nguyên đơn trình bày: chị và anh Cao Nhất N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐB năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn nhiều lần, ngày một căng thẳng hơn, nguyên nhân là do anh N ham chơi cờ bạc, kinh tế gia đình ngày một giảm sút, nợ nần ngày càng nhiều. Anh N không lo kinh tế gia đình cùng chị, mọi chuyện trong gia đình đều dồn lên vai chị. Anh N vay nợ để chơi, không có tiền trả lại về xin chị, chủ nợ đến tìm, chị lại phải trả

nợ cho anh N bao nhiêu năm nay vẫn thế. Chị cho anh N nhiều cơ hội, nói chuyện với anh N cũng nhiều nhưng anh N vẫn chứng nào tật ấy. Đến nay anh N còn lấy trộm tiền tiết kiệm của con để mang đi chơi bời thì chị không thể chấp nhận được nữa. Vợ chồng chị đã sống ly thân nửa năm nay. Hiện chị cùng hai con về nhà bố mẹ đẻ chị ở. Chị không còn tình cảm gì với anh N nữa, chị không thể tiếp tục chung sống với anh N, chị làm đơn xin được ly hôn với N.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Cao Nhật Minh, sinh ngày 12/7/2020 và Cao Minh Nhật, sinh ngày 08/8/2022. Từ bé chị là người chăm sóc, nuôi dạy con chung. Từ khi ly thân cũng một mình chị bế con về nhà ông bà ngoại ở và chăm con. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Hiện chị đang lao động tự do, đi dọn nhà thuê ở nội thành Hà Nội, thu nhập bình quân hàng tháng của chị khoảng 15.000.000đồng/tháng. Ngoài ra có ông bà ngoại hỗ trợ nên chị có đủ điều kiện chăm con được tốt hơn. Vì là lao động tự do, nay nhà này mai nhà khác nên chị không có giấy tờ chứng minh thu nhập để nộp cho Toà án. Anh N không có nghề nghiệp gì, không đi làm, chỉ ham chơi cờ bạc suốt ngày, gần như không có thu nhập, bố chồng chị đã chết, mẹ chồng chị là Đỗ Thị T, năm nay 71 tuổi, đã già nên sẽ khó khăn trong việc chăm cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Cao Nhất N: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng – bà Đỗ Thị T là mẹ đẻ anh N trình bày: bà là mẹ đẻ của anh Cao Nhất N, là mẹ chồng của chị Trịnh Thị P. Về mâu thuẫn vợ chồng chị P và anh N cụ thể như nào bà không nắm rõ, tuy nhiên, chị P đã bỏ đi khỏi nhà bà từ đầu năm 2024 cho đến nay, mang theo con đi về ở nhà bố mẹ đẻ chị P. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh N, quan điểm bà đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết. Chị P và anh N có 02 con chung Cao Minh Nhật và Cao Nhật Minh, hiện đang ở với chị P và ông bà ngoại, chị P đi làm ở nội thành Hà Nội, hai cháu nhỏ thường xuyên ở với ông bà ngoại.

Anh N – con trai bà lao động tự do, lúc có nhà, lúc không có nhà, nhưng anh N làm ở đâu cụ thể thì bà không biết. Bà đã thông báo cho anh N biết về việc chị P nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, nhưng vì công việc bận nên anh N xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án, xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Tòa cứ giải quyết theo pháp luật. Anh N có đăng ký thường trú và sống cùng nhà với bà. Bà nhận trách nhiệm giao lại các văn bản tố tụng của tòa án cho anh N.Bà xin vắng mặt các buổi làm việc khác của tòa án, xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án vì việc này không liên quan đến bà.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã ĐB, Công an xã ĐB thể hiện:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị P, sinh năm 1998 và anh Cao Nhất N, sinh năm 1993, là người cùng làng, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐB ngày 06/11/2019. Sau khi kết hôn, chị P chuyển về nhà anh N sinh sống và cũng chuyển hộ khẩu về nhà anh N ở thôn TK, xã ĐB, huyện UH, thành phố Hà Nội. Mâu thuẫn vợ chồng cụ thể như nào chính quyền địa P không nắm được, chỉ biết do có mâu thuẫn vợ chồng nên khoảng đầu năm 2024 đến nay, chị P không còn sống ở nhà anh N nữa. Chị P cùng hai con nhỏ chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ chị P. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh N, quan điểm chính quyền địa P: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị P và anh N có 02 con chung: Cao Nhật Minh, sinh ngày 12/7/2020 và Cao Minh Nhật, sinh ngày 08/8/2022. Hiện nay cả hai cháu đều đang sống cùng chị P ở nhà ông bà ngoại.

* Về nơi cư trú của anh N: anh N có cùng đăng ký thường trú và sống cùng nhà với bố mẹ đẻ là ông Cao Xuân Hiến (đã chết), bà Đỗ Thị T ở thôn TK, xã ĐB, huyện UH, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, anh N lao động tự do, lúc ở nhà, lúc không; chính quyền địa P không nắm rõ anh N làm việc gì, ở đâu, và cũng không biết cụ thể khi nào anh N có mặt ở nhà. Do đó việc tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N không thực hiện được.

* Tại phiên tòa, chị P và bà T đều xin vắng mặt; anh N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị P được ly hôn với anh N; giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị P cho đến khi có sự thay đổi mới hoặc có đề nghi khác; chị P nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị P làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập anh N đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng thông qua mẹ đẻ anh N có quan điểm vì anh N bận đi làm nên anh không về tòa án làm việc được, chị P và bà T đều xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị P và anh Cao Nhất N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐB ngày 06/11/2019, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị P trình bày là do bất đồng quan điểm, không thể tìm được tiếng nói chung, anh N không lo làm ăn đỡ đần chị về mặt kinh tế gia đình; anh N ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị P nhiều lần phải trả nợ thay chồng; vì mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng nên chị P và anh N đã sống ly thân gần một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Chị P cương quyết xin được ly hôn với anh N; anh N không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị P và anh N là căng thẳng, có thời gian sống ly thân, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị P và anh N có 02 con chung là Cao Nhật Minh, sinh ngày 12/7/2020 và Cao Minh Nhật, sinh ngày 08/8/2022. Hiện tại, cả hai cháu đang ở với chị P. Chị P có nguyện vọng sau khi ly hôn được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Anh N không đến Tòa để trình bày nguyện vọng. Mặt khác, từ bé đến nay cả hai cháu đều ở và đều do chị P chăm sóc là chính, con chung Cao Nhật Minh hiện 4 tuổi rưỡi, con chung Cao Minh Nhật mới được 2 tuổi rưỡi; nhà chị P và anh N ở chung một làng, khoảng cách gần nhau; mẹ đẻ anh N hiện tuổi đã cao; chị P có bố mẹ đẻ hỗ trợ cùng chăm sóc con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý, môi trường sống và học tập của các con chung được ổn định, theo thực tiễn cuộc sống, HĐXX giao cả hai con chung cho chị Trịnh Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị P không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết; anh N không đến Tòa án trình bày quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị P phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị P được ly hôn anh Cao Nhất N.

2. Về con chung: Chị Trịnh Thị P và anh Cao Nhất N có 02 con chung là: Cao Nhật Minh, sinh ngày 12/7/2020 và Cao Minh Nhật, sinh ngày 08/8/2022. Sau ly hôn, giao cả hai con chung cho chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác. Sau ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó.Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị P phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012047 ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Chi cục THADS huyện□ng Hoà;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện